TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 17 – 5 - 2024
V/v "Tranh Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Ông Lê Thành Dân

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST – DS ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn G, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Khoa P, sinh năm: 1996
Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1989
Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đình D trình bày:
Do là chỗ bạn hàng, cùng buôn bán hạt điều với nhau. Ngày 01/4/2023 giữa ông Nguyễn Đình D và vợ chồng ông Nguyễn Khoa P, bà Nguyễn Thị B đã xác lập Hợp đồng vay tài sản. Ông P và bà B vay của ông D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 01/7/2023, không có thỏa thuận về lãi. Khi viết "giấy vay tiền" có thể hiện việc vợ chồng ông P bà B có thế cầm cố cho ông D 01 xe oto biển số 93H-312.66 để

làm tin. Tuy nhiên trên thực tế ông D không cầm chiếc xe oto này mà để cho vợ chồng bà B ông P sử dụng.

Do vợ chồng ông P bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Đối với yêu cầu về lãi suất thì tại phiên tòa nguyên đơn ông D rút yêu cầu này chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà B ông P trả số tiền nợ gốc.

Bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông P và bà Bằng thừa n có vay của ông D số tiền 300.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả nợ ngày 01/7/2023. Khi vay tiền ông bà có cầm cố cho ông D 01 xe oto biển số 93H-312.66. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông bà đã trả nợ cho ông D đủ số tiền nợ trên và nhận lại xe oto biển số 93H-312.66. Tuy nhiên việc trả nợ không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không có ai chứng kiến việc trả nợ, không nhớ về thời gian trả nợ. Địa điểm trả nợ tại nhà của vợ chồng ông bà.

Với yêu cầu khởi kiện của ông D vợ chồng ông P và bà Bằng k đồng ý.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình D và bị đơn ông Nguyễn Khoa P, bà Nguyễn Thị B xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Khoa P lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông P.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Giao dịch được xác lập giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình D và bị đơn ông Nguyễn Khoa P, bà Nguyễn Thị B là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Tài liệu, chứng cứ là "Giấy mượn tiền" – (BL 20) và lời khai của các đương sự tại Tòa án được xem là chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình D và bị đơn ông Nguyễn Khoa P, bà Nguyễn Thị B đều thừa nhận ngày 01/4/2023, ông P và bà B vay của ông D số tiền 300.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 01/7/2023. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B cho rằng đã trả số tiền vay 300.000.000đ. Nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ trong khi nguyên đơn ông Nguyễn Đình D không thừa nhận. Do đó lời khai của bị đơn ông P và bà B là không cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phía Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đình D số tiền nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D buộc bị đơn ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B trả số tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Khoa P và bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Ông Nguyễn Đình D không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008669 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tịnh